

## (4)市町村総合計画の策定状況

(令和2年11月1日現在)

区 分  市町村名	基本構想		基本(長期)計画				実施計画	
	議決年月日	期 間 (年 度)	策定 改定 年月日	期 間 (年 度)	(年 度)	ローリ ングシ ステム		
大阪市	○	H17. 3. 29	—	—	—	—	—	—
堺市	○	H12. 3. 29	H13 ~ R2	○	H23. 3. 16	H23 ~ R2	H28 ~ R2	—
岸和田市	○	H22. 12. 6	H23 ~ R4	○	H31. 2. 7	R1 ~ R4	R2 ~ R4	○
豊中市	○	H29. 12. 19	H30 ~ R9	○	H29. 12. 25	H30 ~ R4	H30 ~ R4	—
池田市	○	H22. 9. 8	H23 ~ R4	○	H22. 9. 8	H23 ~ R4	R1 ~ R4	○
吹田市	○	H30. 9. 28	R1 ~ R10	○	H30. 9. 28	R1 ~ R10	R2 ~ R6	○
泉大津市	○	H27. 2. 20	H27 ~ R6	○	H27. 2. 20	H27 ~ R6	—	—
高槻市	○	H22. 12. 15	H23 ~ R2	○	H28. 5. 23	H23 ~ R2	R2	○
貝塚市	○	H28. 9. 21	H28 ~ R7	○	H28. 9. 21	H28 ~ R7	—	—
守口市	○	H23. 2. 5	H23 ~ R2	○	H23. 3. 31	H23 ~ R2	R1 ~ R3	○
枚方市	○	H28. 3. 8	—	○	H28. 3. 14	H28 ~ R9	R2 ~ R5	—
茨木市	○	H26. 12. 17	H27 ~ R6	○	R2. 1. 17	R2 ~ R6	R2 ~ R6	○
八尾市	○	H22. 9. 29	H23 ~ R2	○	H28. 3. 31	H28 ~ R2	R2	○
泉佐野市	○	H31. 3. 20	R1 ~ R10	○	H31. 3. 27	R1 ~ R5	—	—
富田林市	○	H29. 3. 24	H29 ~ R8	○	H29. 3. 24	H29 ~ R8	R2 ~ R4	○
寝屋川市	○	H22. 12. 20	H23 ~ R2	○	H28. 2. 25	H28 ~ R2	R2	—
河内長野市	○	H27. 9. 25	H28 ~ R7	○	H28. 3. 31	H28 ~ R7	R2 ~ R4	○
松原市	○	H30. 6. 28	R1 ~ R8	○	H31. 3. 27	R1 ~ R8	R2 ~ R4	○
大東市	○	H12. 12. 8	H13 ~ R12	○	H28. 3. 31	H23 ~ R2	R2	—
和泉市	○	—	H28 ~ R7	○	H28. 5. 26	H28 ~ R7	R2	—
箕面市	○	H22. 10. 6	H23 ~ R2	○	H28. 3. 10	H28 ~ R2	—	—
柏原市	○	H23. 3. 30	H23 ~ R2	○	H23. 6. 3	H23 ~ R2	R2 ~ R4	○
羽曳野市	○	—	H28 ~ R7	○	H28. 3. 31	H28 ~ R2	H30	—
門真市	○	R1. 12. 18	R2 ~ R11	○	R2. 3. 11	R2 ~ R11	R2 ~ R4	○
摂津市	○	H22. 11. 30	H23 ~ R2	○	H28. 3. 31	H23 ~ R2	R1 ~ R2	○
高石市	○	H22. 9. 16	H23 ~ R2	○	H23. 3. 29	H23 ~ R2	H30 ~ R2	○
藤井寺市	○	H28. 3. 25	H28 ~ R5	○	H28. 6. 14	R2 ~ R5	R2 ~ R4	○
東大阪市	○	H14. 11. 27	H15 ~ R2	○	H22. 3. 11	H23 ~ R2	R1 ~ R2	○
泉南市	○	H25. 3. 26	H25 ~ R4	○	H25. 3. 28	H25 ~ R4	R2 ~ R4	○
四條畷市	○	—	H28 ~ R32	○	H28. 1. 20	H28 ~ R7	R2	—
交野市	○	H22. 10. 21	H23 ~ R4	—	—	—	R2	—
大阪狭山市	○	H23. 3. 24	H23 ~ R2	○	H28. 3. 31	H28 ~ R2	H30 ~ R2	○
阪南市	○	H23. 12. 27	H24 ~ R3	○	H29. 3. 31	H29 ~ R3	H30 ~ R4	○
島本町	○	R1. 9. 30	R2 ~ R11	○	R2. 3. 31	R2 ~ R11	—	—
豊能町	○	H22. 9. 22	H23 ~ R3	○	H22. 9. 22	H23 ~ R3	—	—
能勢町	○	—	H24 ~ R3	○	H23. 12. 6	H24 ~ R3	—	—
忠岡町	○	H23. 3. 30	H23 ~ R2	○	H23. 3. 30	H23 ~ R2	R2	—
熊取町	○	H29. 12. 19	H30 ~ R9	○	H29. 12. 19	H30 ~ R9	H30 ~ R2	○
田尻町	○	R2. 3. 6	R2 ~ R11	○	R2. 3. 26	R2 ~ R11	—	—
岬町	○	H23. 12. 21	H23 ~ R2	○	H23. 12. 21	H23 ~ R2	H29 ~ R1	○
太子町	○	H27. 9. 1	H28 ~ R7	○	H28. 3. 31	H28 ~ R7	R2 ~ R4	○
河南町	○	H22. 3. 1	H22 ~ R2	○	H22. 3. 1	H22 ~ R2	H30 ~ R2	○
千早赤阪村	○	H23. 3. 7	H23 ~ R2	—	—	—	H30 ~ R2	○